

Số: /QĐ-UBND Bắc Giang, ngày tháng 3 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 89/TTr-TNMT ngày 01/3/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Shin Zu Shing (Bắc Giang), địa chỉ trụ sở chính tại Một phần lô CN-04, Khu công nghiệp Hòa Phú, xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư “Nhà máy sản xuất, gia công linh kiện điện, điện tử Shin Zu Shing” tại địa điểm Một phần lô CN-04, Khu công nghiệp Hòa Phú, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất, gia công linh kiện điện, điện tử Shin Zu Shing

1.2. Chủ dự án: Công ty TNHH Shin Zu Shing (Bắc Giang)

1.3. Địa điểm hoạt động: Một phần lô CN-04, Khu công nghiệp Hòa Phú, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

1.4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp: 2400973663 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp, đăng ký lần đầu ngày 19/09/2023.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án: 9868580168 do Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang cấp, chứng nhận lần đầu ngày 13/9/2023.

1.5. Mã số thuế: 2400973663

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

- Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng, chi tiết: Sản xuất, gia công các loại bản lề dùng trong thiết bị điện tử, viền thông và các thiết bị điện, điện tử khác.

- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu, chi tiết: Sản xuất gia công các loại giá đỡ màn hình TFT-LCD; sản xuất linh kiện chính xác bằng thép sử dụng trong các thiết bị điện tử như: con quay, trục xoay, vít, bulong, đai ốc, ống lồng, đinh tán.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án

- Phạm vi: Dự án được thực hiện tại địa điểm Một phần lô CN-04, Khu công nghiệp Hòa Phú, xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang với tổng diện tích 27.794,3 m².

- Quy mô, công suất của dự án

+ Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công); không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

+ Sản xuất, gia công các loại bản lề dùng trong thiết bị điện tử, viền thông và các thiết bị điện, điện tử khác, với quy mô:

++ Bản lề máy tính xách tay (NB Hinge) 5.266.000 chiếc/năm, tương đương 52,76 tấn/năm.

++ Bản lề dùng cho thiết bị âm thanh (Audio Hinge) 6.084.000 chiếc/năm, tương đương 43,02 tấn/năm.

+ Sản xuất gia công các loại giá đỡ màn hình TFT-LCD; sản xuất linh kiện chính xác bằng thép sử dụng trong các thiết bị điện tử như: con quay, trục xoay, vít, bulong, đai ốc, ống lồng, đinh tán, với quy mô:

++ Sản xuất, gia công các giá đỡ màn hình TFT-LCD: 289.800 chiếc/năm, tương đương 486,72 tấn/năm;

++ Sản xuất linh kiện chính xác bằng thép sử dụng trong các thiết bị điện tử như: con quay, trục xoay, vít, bulong, đai ốc, ống lồng, đinh tán 3.600.000 chiếc/năm tương đương 21,6 tấn/năm;

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quyết định này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quyết định này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Quyết định này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Shin Zu Shing (Bắc Giang) được cấp Giấy phép môi trường

1. Công ty TNHH Shin Zu Shing (Bắc Giang) có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH Shin Zu Shing (Bắc Giang) có trách nhiệm

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND huyện Hiệp Hòa nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND huyện Hiệp Hòa.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND huyện Hiệp Hòa, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án “Nhà máy sản xuất, gia công linh kiện điện, điện tử Shin Zu Shing” tại một phần lô CN-04, Khu công nghiệp Hòa Phú, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang của Công ty TNHH Shin Zu Shing (Bắc Giang) được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định cấp Giấy phép môi trường được thành lập theo Quyết định số 100/QĐ-TNMT ngày 25/01/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường; về kết quả thẩm định hồ sơ, tham mưu trình UBND tỉnh cấp Giấy phép môi trường cho Công ty TNHH Shin Zu Shing (Bắc Giang) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đối với các nội dung, yêu cầu tại khoản 2 Điều 1 Giấy phép này đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường; Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh; UBND huyện Hiệp Hòa, Công ty TNHH Shin Zu Shing (Bắc Giang) và tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Giấy phép này thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Chủ dự án (*trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công*);
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
 - + Công thông tin điện tử tỉnh;
 - + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT, KTN_{Việt Anh}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ô Pích

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /3/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI****1. Nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với nước thải**

Dự án không thuộc trường hợp phải cấp phép xả nước thải theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, do:

Nước thải sinh hoạt phát sinh của dự án được thu gom vào hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 50m³/ngày đêm đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột B, sau đó được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Hoà Phú do Công ty TNHH Hoà Phú Invest (chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp) xây dựng và quản lý vận hành để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, sau đó thải ra môi trường (theo Biên bản thỏa thuận điểm đầu nối hạ tầng giữa Công ty TNHH Hoà Phú Invest và Công ty TNHH Shin Zu Shing Bắc Giang); dự án không xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ tại 10 bể tự hoại 3 ngăn có tổng thể tích 70m³ (trong đó: 02 bể thể tích 3m³/bể; 04 bể thể tích 7m³/bể; 04 bể thể tích 9m³/bể), sau đó theo đường ống UPVC D250, D140 với tổng chiều dài khoảng 596m dẫn về hệ thống xử lý nước thải của dự án (công suất 50 m³/ngày đêm) để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, theo đường ống UPVC D200 có chiều dài 50m được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Hoà Phú.

- Vị trí đầu nối nước thải: Tại 01 hố ga thu gom nước thải tập trung, nằm ở góc phía Tây Bắc của dự án, ngoài hàng rào, cách hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt khoảng 50m, có toạ độ X: 2350045.488; Y:0392041.290 (theo hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trục 107⁰, múi chiếu 3⁰) thuộc hạ tầng KCN Hòa Phú, huyện Hiệp Hòa.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải: Nước thải sinh hoạt (sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn) → Bể điều hoà → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí (MBR) → Bể lắng → Bể khử trùng → Nước thải sau xử lý đạt QCVN

40:2011/BTNMT, cột B được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Hoà Phú, huyện Hiệp Hoà.

- Công nghệ xử lý nước thải: Công nghệ sinh học MBR.

- Công suất thiết kế: 50 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chlorine: 5 kg/tháng; Methanol: 180 kg/tháng; Mật rỉ đường: 60 lít/tháng.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố công trình xử lý nước thải

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật, có nhật ký vận hành, hàng ngày ghi chép đầy đủ các thông số vận hành như: Lượng hóa chất sử dụng, tình trạng hoạt động của các thiết bị để có những khắc phục, sửa chữa và thay thế kịp thời khi có sự cố. Trong nhật ký phải ghi chép lại các sự cố xảy ra, biện pháp khắc phục và trình báo với cơ quan quản lý môi trường có thẩm quyền.

- Nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý phải được tập huấn, đào tạo, nâng cao chuyên môn, thao tác đúng cách để hạn chế những sai sót có thể gây ra sự cố, luôn có mặt tại vị trí khi vận hành.

- Theo dõi thường xuyên các thông số kỹ thuật máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải khi vận hành, đặc biệt là các thiết bị điện. Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng đường ống dẫn, bơm... thay thế các thiết bị hỏng hóc hệ thống xử lý nước thải, phát hiện sớm những nguyên nhân có thể dẫn đến sự cố để khắc phục kịp thời, đảm bảo hiệu quả xử lý nước thải.

- Luôn dự trữ và có phương án thay thế các thiết bị có nguy cơ hỏng hóc (như: máy bơm, phao, van, thiết bị sục khí, cánh khuấy và các thiết bị chuyển động khác...) để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

- Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất; không sử dụng các chất trong danh mục cấm của Việt Nam.

- Vệ sinh đường cống thoát nước thải, tránh ùn tắc, ứ đọng chất thải rắn trong đường cống dẫn nước thải.

- Định kỳ quan trắc chất lượng nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải. Nếu phát hiện có bất cứ thông số nào vượt quá ngưỡng cho phép theo Quy chuẩn hiện hành thì lập tức cho kiểm tra để kịp thời phát hiện và xử lý các sự cố phát sinh.

- Giám sát lưu lượng nước thải thường xuyên, liên tục để kịp thời điều chỉnh không để xảy ra quá tải, giảm hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải.

- Phối hợp chặt chẽ với cơ quan quản lý môi trường địa phương trong việc thanh kiểm tra, quan trắc và giám sát chất lượng nước, chất lượng môi trường.

1.4.2. Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó sự cố công trình xử lý nước thải

- Khi có sự cố xảy ra nhanh chóng tìm hiểu nguyên nhân sự cố và khắc phục kịp thời không để nước thải chưa xử lý vượt quy chuẩn xả thải ra hệ thống thu gom nước thải chung của KCN Hoà Phú; tạm dừng hoạt động phát sinh nước thải đến khi khắc phục xong mới tiếp tục hoạt động trở lại.

- Dừng hoạt động hệ thống xử lý nước thải để sửa chữa, đề ra phương án khắc phục, đồng thời báo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý. Báo cáo đơn vị quản lý KCN Hoà Phú khi xảy ra sự cố dẫn đến nước thải sau xử lý không đạt chuẩn theo yêu cầu của KCN Hoà Phú, huyện Hiệp Hoà (không đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B).

- Trường hợp mạng lưới điện trong khu vực bị mất phải cho vận hành ngay máy phát điện dự phòng để kịp thời đưa hệ thống xử lý nước thải vận hành trở lại.

- Trong trường hợp sự cố kỹ thuật, cần phải sửa chữa thiết bị, máy móc của hệ thống xử lý nước thải và phải dừng hoạt động của hệ thống xử lý này để khắc phục sự cố, thời gian sửa chữa kéo dài vượt quá khả năng lưu chứa tại các bể của hệ thống xử lý, Chủ dự án thực hiện thuê đơn vị có chức năng đến hút nước thải của bể và mang đi xử lý theo quy định.

- Nước thải qua hệ thống xử lý nước thải được đánh giá có thể gặp các sự cố như: một hoặc một số thông số ô nhiễm trong nước thải sau xử lý chưa đạt quy chuẩn cho phép (QCCP). Tùy theo thông số ô nhiễm nào vượt QCCP mà có sự kiểm tra, điều chỉnh cụ thể:

+ Nếu pH quá thấp hoặc quá cao ngoài giới hạn QCCP thì tiến hành lấy mẫu tại bể chứa nước thải sau xử lý, kiểm tra lại, điều chỉnh định mức hóa chất sử dụng cho đến khi kiểm tra mẫu đạt.

+ Nếu thông số chất rắn lơ lửng vượt quy chuẩn cho phép, kiểm tra hiệu quả lắng của bể lắng.

+ Tương tự đối với từng thông số khác sẽ đưa ra các biện pháp khắc phục khác nhau. Trong trường hợp sự cố phức tạp không thể tự xử lý, Chủ dự án liên hệ ngay với bên lắp đặt, xây dựng hệ thống xử lý để khắc phục, xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Từ ngày 10/01/2025 đến ngày 31/4/2025.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải vận hành thử nghiệm:

Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 50 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

Vị trí nước thải đầu vào và đầu ra hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 50 m³/ngày đêm.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (*theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này*):

2.2.3. Tần suất lấy mẫu:

TT	Vị trí giám sát	Thông số giám sát	Tần suất giám sát	Quy chuẩn so sánh
1	01 vị trí nước thải đầu vào (tại bể điều hòa)	pH, BOD ₅ , COD, Chất rắn lơ lửng, Sunfua, Amoni (tính theo N), Tổng dầu mỡ khoáng; Tổng phốt pho (tính theo P), Tổng nitơ; Coliform.	Lấy mẫu đơn 1 lần. Thời gian dự kiến lấy mẫu: Ngày: 15/4/2025	QCVN 40: 2011/BTN MT, cột B
2	01 vị trí nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải (tại hố ga nước thải của Công ty trước khi đầu nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải của KCN)	pH, BOD ₅ , COD, Chất rắn lơ lửng, Sunfua, Amoni (tính theo N), Tổng dầu mỡ khoáng; Tổng phốt pho (tính theo P), Tổng nitơ; Coliform.	Lấy mẫu đơn 01 ngày/lần trong vòng 3 ngày liên tiếp. Thời gian dự kiến như sau: - Lần 1: 15/4/2025 - Lần 2: 16/4/2025 - Lần 3: 17/4/2025	

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi đầu nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Hoà Phú. Không được phép lắp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

- Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh. Nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ theo quy định.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với hệ thống xử lý nước thải, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các KCN tỉnh, UBND huyện Hiệp Hoà, chủ đầu tư hạ tầng khu công nghiệp Hoà Phú để kịp thời xử lý.

Phụ lục 2**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /3/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: 01 nguồn phát sinh từ hoạt động của dây chuyền sản xuất của nhà máy.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

01 vị trí giữa xưởng sản xuất: (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107°, múi chiều 3⁰)

Tọa độ vị trí phát sinh: X = 2350223; Y = 409506.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

* Đối với các phương tiện vận chuyên ra vào dự án:

- + Xe ra vào yêu cầu đi với tốc độ chậm 5km/h, không kéo còi.
- + Không cho các xe nổ máy trong lúc chờ nhận hàng.
- + Thường xuyên kiểm tra và bảo trì các phương tiện vận chuyên.

+ Bố trí phương tiện vận chuyển nguyên, vật liệu và vận chuyển sản phẩm hàng hóa hợp lý để giảm thiểu lượng phương tiện tập trung cùng thời điểm gây ra cộng hưởng và ô nhiễm không khí xung quanh.

* Đối với các máy móc, thiết bị gây ồn, rung cao:

+ Lắp đệm cao su chống rung cho các máy móc thiết bị có độ rung cao.

+ Bôi trơn cho các chi tiết hoạt động để giảm ma sát nhằm giảm tiếng ồn sinh ra.

+ Kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc thiết bị. Thông thường chu kỳ bảo dưỡng đối với thiết bị mới là 4 - 6 tháng/lần.

+ Nhà xưởng thông thoáng, lắp đặt hệ thống quạt thông gió, tạo không gian rộng rãi, giảm khả năng vang vọng tiếng ồn.

+ Công nhân được trang bị đầy đủ các phương tiện chống ồn như: nút bịt tai, mũ, quần áo bảo hộ, đặc biệt tại các vị trí làm việc có mức độ ồn cao.

+ Bố trí hợp lý nhân lực làm việc trong các khu vực ô nhiễm ồn, rung nhằm đảm bảo sức khỏe lâu dài cho các công nhân.

+ Có kế hoạch kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương pháp bảo hộ lao động thường xuyên của công nhân, tránh hiện tượng có phương tiện bảo hộ mà không sử dụng,....

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị máy móc phát sinh tiếng ồn, độ rung,...

- Trồng cây xanh xung quanh nhà máy, vừa tăng cường cảnh quan cho Nhà máy vừa giúp giảm phát tán tiếng ồn ra môi trường xung quanh, đồng thời, giúp cải thiện môi trường không khí thêm trong lành.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này và các quy chuẩn Việt Nam hiện hành.

Phụ lục 3**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /3/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)
1	Dầu bôi trơn thải	Lỏng	5
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	5
3	Giẻ lau, găng tay dính dầu mỡ	Rắn	50
4	Hộp mực in	Rắn	3
6	Đầu mẫu, vụn kim loại,.. dính dầu	Rắn	2.160
7	Nam châm lõi hỏng	Rắn	13,5
8	Bao bì kim loại cứng, vỏ thùng, can đựng dầu mỡ, hóa chất bằng kim loại	Rắn	100
9	Bao bì nhựa cứng, vỏ thùng, can đựng dầu mỡ, hóa chất thải bằng nhựa	Rắn	100
10	Dầu làm mát thải	Lỏng, rắn	30
Tổng lượng phát sinh			2.466,5

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sản xuất thông thường phát sinh: Chất thải sản xuất của dự án phát sinh gồm: Nguyên liệu, sản phẩm lỗi bằng kim loại,...: 5,2 tấn/năm; Nguyên liệu, sản phẩm lỗi bằng nhựa, kim loại, ...: 50,23 tấn/năm; Bao bì nilong, bì carton,...2,4 tấn/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt:

Chất thải rắn sinh hoạt của dự án phát sinh khoảng 250 kg/ngày, thành phần chủ yếu là bao bì, hộp đựng thức ăn, đồ uống bằng nilon, nhựa, thủy tinh...

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí 09 thùng chứa bằng nhựa, có nắp đậy dung tích khoảng 120 lít/thùng để lưu giữ riêng từng loại CTNH, có dán nhãn, dấu hiệu cảnh báo, lưu giữ trong kho chứa CTNH.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà xưởng

- Diện tích kho chứa chất thải nguy hại: 15 m² (kích thước 3x5m), bố trí bên ngoài nhà xưởng. Kho chứa chất thải được thiết kế xây tường gạch, mái lợp tôn, nền láng xi măng, có cửa ra vào, dán biển báo theo quy định.

- Chủ dự án ký hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển và xử lý theo quy định (tần suất 1 tháng/lần).

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí 30 thùng chứa, dung tích khoảng 150 lít/thùng để tại khu vực sản xuất và kho chứa.

2.2.2. Kho /khu vực lưu chứa trong nhà/khu vực lưu:

01 kho chứa có diện tích 70 m² (kích thước 14x5m). Kho được thiết kế xây tường gạch, mái lợp tôn, nền láng xi măng, có cửa ra vào, dán biển báo theo quy định. Được bố trí bên ngoài nhà xưởng.

Chủ dự án ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định định kỳ 01 tháng/lần hoặc tùy thuộc vào lượng phát sinh.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: bố trí khoảng 10 thùng chứa rác có nắp đậy bằng nhựa dung tích khoảng 100 lít/thùng trong khu vực nhà vệ sinh, khu vệ sinh, nhà xưởng, nhà ăn, tại hành lang mỗi tầng... để thu gom, phân loại chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động, sau đó cuối mỗi buổi làm việc tập kết túi bóng buộc kín và lưu giữ tại kho chứa chất thải sinh hoạt.

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho chứa chất thải sinh hoạt: 01 kho chứa có diện tích 30 m² (kích thước 6x5m). Kho được xây tường gạch, mái lợp tôn, nền láng xi măng, có cửa ra vào, dán biển báo theo quy định. Được bố trí bên ngoài nhà xưởng.

Chủ dự án ký hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định với tần suất (tần suất 2-3 ngày/lần).

Đối với cặn bùn tại các bể tự hoại định kỳ 6 tháng/lần thuê đơn vị chuyên hút bể phốt mang đi xử lý.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải, có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải. Trong trường hợp xảy ra sự cố, nhanh chóng dừng hoạt động sản xuất, có các biện pháp khắc phục sự cố cho hệ thống xử lý nước thải. Chỉ được tiếp tục hoạt động nhà máy khi xử lý khắc phục hoàn toàn sự cố.

Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /3/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Công ty TNHH Shin Zu Shing (Bắc Giang) có trách nhiệm:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình vận hành dự án. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực thực hiện dự án.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện dự án; Định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Thực hiện thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh để đưa về hệ thống xử lý nước thải của dự án xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) trước khi đầu nối với hệ thống thu gom, xử lý tập trung của khu công nghiệp; đảm bảo không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường nước, không khí khu vực.

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND huyện Hiệp Hoà trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm để theo dõi, giám sát và thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định.

- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo đúng quy định tại: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 89/TTr-TNMT ngày 01/3/2024 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường.